

Số: 2932/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết (1/500) Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu A – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2950/TTr-SXD và Văn bản thẩm định số 2949/TĐ-SXD ngày 04 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết (1/500) Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu: Khu vực quy hoạch thuộc Khu A - Đô thị mới An Vân Dương có tổng diện tích khoảng 323.281m² với phạm vi, ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc tiếp giáp tuyến đường quy hoạch 13,5m song song với đường Hoàng Quốc Việt và kênh thoát lũ;

+ Phía Nam tiếp giáp khu dân cư chỉnh trang;

+ Phía Đông tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp và đường quy hoạch 56m;

+ Phía Tây tiếp giáp tuyến khu tái định cư Hai bờ sông An Cựu.

2. Quy mô

a) Quy mô đất đai: Khoảng 323.281m²;

b) Quy mô dân số: Khoảng 5.000 người.

3. Cơ cấu sử dụng đất

STT	Ký hiệu	Loại đất	Cơ cấu sử dụng đất điều chỉnh		Cơ cấu sử dụng đất được duyệt		Ghi chú
			Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	
1	O-CC	Đất chung cư cao tầng	7.472	2,31	22.098,0	6,84	-14.626,0
2	-	Đất ở thấp tầng	83.415,6	25,80	75.099,8	23,23	+8.315,8
	O-BT	Đất ở biệt thự	8.009,0	2,48	25.762,3	7,97	+8.569,3
	O-BTP	Đất ở biệt thự phố	26.322,6	8,14			
	O-LK	Đất ở liền kề	44.542,0	13,78	49.337,5	15,26	-253,5
	O-SH	Đất nhà ở kết hợp dịch vụ (Shophouse)	3.856,0	1,19			
	CTR	Đất ở chỉnh trang	686,0	0,21			
3	DVCC	Đất dịch vụ công cộng	11.000,0	3,40	11.000,0	3,40	0,0
4	TH	Đất trường học	9.868,0	3,05	0,0	0,00	+9.868,0
5	CX-MN	Đất công viên cây xanh- Mặt nước	51.860,5	16,05	45.766,2	14,16	+6.094,3
6	GT	Đất giao thông	151.290,9	46,80	161.317,0	49,90	-10.026,1
7	P	Đất bãi đỗ xe	8.000,0	2,47	8.000,0	2,47	0,0
8	HTKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	374,0	0,12	0,0	0,0	+374,0
		Tổng cộng	323.281,0	100,00	323.281,0	100,00	0,0

4. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Các khu chức năng cập nhật và điều chỉnh:

- Phía Bắc của khu quy hoạch:

+ Bố trí 20 khe biên dạng ở các khu A, B, D, H, F.

+ Khu A và khu B: điều chỉnh bề rộng lô đất từ 4,5m lên 7,0m (từ 54 lô giảm còn 32 lô), cụ thể:

* Khu A có ký hiệu từ lô A.2 đến lô A.16 và từ lô A.19 đến lô A.33 (diện tích mỗi lô là $126,0m^2$); lô góc có ký hiệu A.1, A.17, A.18 và lô A.34 (diện tích $148,4m^2$).

* Khu B có ký hiệu từ lô B.2 đến lô B.15 và từ lô B.18 đến lô B.31 (diện tích mỗi lô là $126,0m^2$); lô góc có ký hiệu B.1, B.16, B.17 và lô B.32 (diện tích $163,3m^2$).

+ Khu D và khu F: điều chỉnh phân lô từ 52 lô giảm còn 50 lô, cụ thể:

* Khu D có ký hiệu từ lô D-2 đến lô D-24 và từ lô D.27 đến lô D.49 (diện tích mỗi lô là $81,0m^2$); lô góc có ký hiệu D.1, D.25, D.26 và lô D.50 (diện tích $113,8m^2$).

* Khu F có ký hiệu từ lô F.2 đến lô F.24 và từ lô F.27 đến lô F.49 (diện tích mỗi lô là $81,0m^2$); lô góc có ký hiệu F.1, F.25, F.26 và lô F.50 (diện tích $113,8m^2$).

+ Khu H: điều chỉnh phân lô từ 34 lô giảm còn 32 lô, cụ thể: các lô có ký hiệu từ lô H.2 đến lô H.15 và từ lô H.18 đến lô H.31 (diện tích mỗi lô là $126,0m^2$); lô góc có ký hiệu H.1, H.16, H.17 và lô H.32 (diện tích $163,3m^2$).

- Phía Nam của khu quy hoạch:

+ Bố trí 20 khe biên dạng ở các khu L, M, N, O, Q, S.

+ Khu L: Điều chỉnh diện tích các lô góc, cụ thể: lô L1 (diện tích $117,5m^2$) điều chỉnh thành $114,74m^2$; lô L19, L20 (diện tích mỗi lô $126,0m^2$) điều chỉnh thành $120,7m^2$ mỗi lô; lô L38 (diện tích $148,0m^2$) điều chỉnh thành $145,17m^2$. Tổng số lô không thay đổi: 38 lô.

+ Khu M: Điều chỉnh phân lô từ 34 lô giảm còn 32 lô, cụ thể: các lô có ký hiệu từ lô M2 đến lô M15 và từ lô M18 đến M31 (diện tích mỗi lô là $126,0m^2$); lô góc có ký hiệu M1, M16, M17 và lô M32 (diện tích mỗi lô là $163,3m^2$).

+ Khu N: Điều chỉnh phân lô từ 60 lô giảm còn 33 lô (đã bàn giao UBND thành phố Huế 27 lô có ký hiệu từ lô N34 đến lô N60 với tổng diện tích khoảng $2138,0m^2$), trong đó, các lô có ký hiệu từ lô N2 đến lô N28 và từ lô N31

đến N33 (diện tích mỗi lô là 81,0m²); lô góc có ký hiệu N1 (diện tích 155,3m²), N29 và lô N30 (diện tích mỗi lô là 110,44m²).

+ Khu O và khu Q: Điều chỉnh phân lô từ 52 lô giảm còn 50 lô, cụ thể:

* Khu O có ký hiệu từ lô O2 đến O24 và từ lô O27 đến O49 (diện tích mỗi lô là 81,0m²); lô góc có ký hiệu O1, O25, O26 và lô O50 (diện tích mỗi lô là 113,8m²).

* Khu Q có ký hiệu từ lô Q2 đến Q24 và từ lô Q27 đến Q49 (diện tích mỗi lô là 81,0m²); lô góc có ký hiệu Q1, Q25, Q26 và lô Q50 (diện tích mỗi lô là 113,8m²).

+ Khu S: Điều chỉnh phân lô từ 26 lô giảm còn 25 lô, cụ thể: các lô có ký hiệu từ lô S2 đến lô S24 (diện tích mỗi lô là 85,5m²); lô góc có ký hiệu S1, S25 (diện tích mỗi lô là 120,88m²).

+ Điều chỉnh đất ở phân lô với diện tích 1.060m² thành đất ở chỉnh trang ký hiệu CTR với diện tích 686m² và đất hạ tầng kỹ thuật có ký hiệu HTKT với diện tích 374m².

+ Cập nhật và điều chỉnh Đất nhà liền kề, giao thông và hành lang kỹ thuật thành đất trường học có ký hiệu TH với diện tích 9.868m².

- Phía Đông của khu quy hoạch:

+ Điều chỉnh đất trong khu chung cư cao tầng có ký hiệu T, X, U, V với diện tích 48.598 m² (trong đó đất xây dựng chung cư cao tầng với diện tích 22.098m²) và đất đỗ xe P1, P2 với diện tích 3.687m² thành đất xây dựng chung cư cao tầng ký hiệu O-CC1, O-CC2, O-CC3 (diện tích 7.472 m²), đất ở thương mại có ký hiệu O-SH1 đến O-SH7 (diện tích 3.856m²) và ở liền kề có ký hiệu O-LK1 đến O-LK21 (diện tích 12.702 m²), đất cây xanh có ký hiệu CX (diện tích 15.107m²), đất giao thông (diện tích 6.035m²) và bãi đỗ xe P1,2,4,5,6,7 (diện tích 7.113m²).

+ Cập nhật đất công cộng (xây dựng công trình sinh hoạt cộng đồng) có ký hiệu CD với diện tích 500m² vào khu vực phía Đông Nam của khu công viên.

- Phía Tây của khu quy hoạch: Cập nhật đất nhà văn phòng có ký hiệu VP với diện tích 2.435m², đất nhà hàng cao cấp có ký hiệu DV với diện tích 1.855m².

b) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan không có sự thay đổi lớn về mặt tổng thể. Điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở các trục không gian chính theo quy hoạch đã được phê duyệt như tuyến đường Võ Nguyên Giáp, tuyến đường Hoàng Quốc Việt.

- Khu ở cao tầng được bố trí tại khu vực tiếp giáp nút xoay giao thông đường Võ Nguyên Giáp và đường Văn Tiến Dũng với chiều cao tối đa 25 tầng đóng vai trò điểm nhấn tầng cao cho khu đô thị.

- Khu công viên cây xanh đảm bảo đáp ứng nhu cầu cây xanh đô thị, với các thiết chế đô thị cần thiết như: Không gian sinh hoạt cộng đồng, thể dục thể thao, dịch vụ nhà hàng cao cấp,...

- Các khu ở thấp tầng mới (được điều chỉnh từ các khu ở cao tầng) bố trí xen kẽ các không gian cây xanh và bãi đỗ xe. Phía tiếp giáp tuyến đường Võ Nguyên Giáp được bố trí nhà ở kết hợp thương mại Shophouse.

5. Quy định về kiến trúc

a) Mật độ xây dựng:

- Khu ở liền kề (O-LK1 đến O-LK21), shophouse (O-SH1 đến O-SH7), biệt thự phố (O-BTP A, B, G, H, L, M): $\leq 75\%$.

- Khu ở liền kề (O-LKC, O-LKD, O-LKE, O-LKF, O-LKN, O-LKO, O-LKQ, O-LKS): $\leq 80\%$.

- Khu biệt thự (O-BT-K): $\leq 40\%$.

- Khu chính trang (CTR): $\leq 80\%$.

- Khu ở cao tầng (O-CC1 đến O-CC3): $\leq 50\%$.

- Khu nhà hàng cao cấp (DV): $\leq 80\%$.

- Khu văn phòng (VP): $\leq 42\%$.

- Khu sinh hoạt cộng đồng (CD): $\leq 30\%$.

b) Tầng cao xây dựng:

- Khu ở liền kề (O-LK 1 đến O-LK 21), shophouse (O-SH1 đến O-SH7): 3-5 tầng.

- Khu biệt thự phố (O-BTP A, B, G, H, L, M): 3 tầng.

- Khu ở liền kề (O-LKC, O-LKD, O-LKE, O-LKF, O-LKN, O-LKQ, O-LKS): 4 tầng.

- Khu biệt thự (O-BT-K): 3 tầng.

- Khu ở cao tầng (O-CC1 đến O-CC3): 20-25 tầng.

- Công trình công cộng, dịch vụ: 1- 2 tầng.

c) Chỉ giới xây dựng:

- Các công trình đã xây dựng giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt trước đây.

- Đối với các khu ở liền kề (O-LK1 đến O-LK 21): Lùi 5,0m so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với Shophouse (O-SH1 đến O-SH7): Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các khu ở cao tầng (O-CC1 đến O-CC3): Lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ.

- Công trình công cộng, dịch vụ: Lùi $\geq 10,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

6. Mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: Cao độ thiết kế san nền từ +1,70m đến 2,50m, hướng dốc chính hướng về phía Bắc và Tây Nam, có tính toán kết nối hợp lý với hệ thống hạ tầng hiện có ở khu vực. Đã hoàn thành phần san nền toàn bộ dự án.

- Thoát nước mặt: Nước mưa được gom theo hệ thống công dẫn về hai hướng Bắc, Nam ra sông Phát Lát và Lợi Nông.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường Võ Nguyên Giáp:

* Đoạn từ nút giao đường Văn Tiến Dũng đến Hoàng Quốc Việt được điều chỉnh như sau: Giữ nguyên lộ giới 100m, điều chỉnh chiều rộng mặt đường đôi cũ 04 làn xe thành đường 02 làn xe rộng 10,5m. Dải phân cách ở giữa rộng 52m bố trí cây xanh cảnh quan và xây dựng các công trình công cộng (nếu có) với (mặt cắt 1-1) có lộ giới 100,0m (11,0m + 10,5m + 2,5m + 52,0m + 2,5m + 10,5m + 11,0m).

* Đoạn từ điểm giao với đường số 16 đến nút giao đường Văn Tiến Dũng (có mặt cắt 2-2) lộ giới 56,0m (11m + 12,75m + 8,5m + 12,75m + 11m).

* Đoạn từ đường Tôn Quang Phiệt tới điểm giao với đường số 16 có lộ giới 24,0m (3,5m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 3,5m).

+ Tuyến đường Hoàng Quốc Việt (có mặt cắt 3-3) lộ giới 26,0m (6,0m + 14,0m + 6,0m);

- Giao thông đối nội:

+ Đường quy hoạch số 7 có mặt cắt (3A-3A) lộ giới 26,0m (4,0m + 7,5m + 1,0m + 7,5m + 6,0m);

+ Đường quy hoạch số 10 có mặt cắt (4-4) lộ giới 26,0m (6,0m + 14,0m + 6,0m);

+ Đường quy hoạch số 1, đường số 8 (đoạn từ đường số 3 đến đường Võ Nguyên Giáp) có mặt cắt (5-5) lộ giới 16,5m (3,0m + 10,5m + 3,0m);

+ Đường quy hoạch số 8 (đoạn từ đường số 3 đến đường số 7) có mặt cắt (5A-5A) lộ giới 19,5m (6,0m + 10,5m + 3,0m);

+ Đường quy hoạch số 3 có mặt cắt (5B-5B) lộ giới 14,5m (6,0m + 5,5m + 3,0m);

+ Đường quy hoạch số 2, 4, 6, 12, 14, 16 có mặt cắt (6-6) lộ giới 11,5m (2,4m+ 6,7m+ 2,4m).

+ Đường quy hoạch số 5 có mặt cắt (7-7) lộ giới 20,5m (3,0m + 5,5m + 3,5m + 5,5m + 3,0m);

+ Đường quy hoạch số 9, 11 có mặt cắt (8-8) lộ giới 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m);

c) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: $\geq 180\text{l}/\text{người}\cdot\text{ngđ}$.

- Cấp nước công cộng: $>10\%$ cấp nước sinh hoạt.

- Cấp nước tưới cây rửa đường: $>8\%$ cấp nước sinh hoạt.

- Nguồn nước: Lấy từ hệ thống cấp nước thành phố.

- Tổng nhu cầu cấp nước: $985\text{m}^3/\text{ngày}\cdot\text{đêm}$.

- Mạng lưới: Được thiết kế theo nguyên tắc mạng vòng nhánh cụt cấp nước cho sinh hoạt, cứu hỏa và các nhu cầu khác. Bố trí các họng cứu hỏa theo đúng quy định phòng cháy chữa cháy.

d) Cấp điện:

- Chỉ tiêu:

+ Nhà ở thấp tầng: $>3\text{-}5\text{kW}/\text{hộ}$.

+ Chung cư: $>3\text{-}5\text{ kW}/\text{hộ}$.

+ Công trình công cộng, dịch vụ thương mại: $>30\text{W}/\text{m}^2$ sàn xây dựng.

+ Trường học, nhà trẻ, mẫu giáo: $0,1\text{-}0,2\text{ kW}/\text{học sinh}$.

- Tổng nhu cầu cấp điện toàn khu vực 12.500 KVA .

- Nguồn điện: Lấy từ tuyến trung thế 22kV của trạm trung thế 110kV tại phường An Đông.

- Mạng điện:

+ Xây dựng mới 03 trạm biến áp $22\text{kV}/0,4 - 1000\text{KvA}$ và sử dụng 03 trạm biến áp $22\text{kV}/0,4 - 500\text{KvA}$ đã được đầu tư.

+ Từ các trạm biến áp $22/0,4\text{ KV}$, xây dựng hệ thống đường dây $0,4\text{ KV}$ đi ngầm dọc theo các tuyến đường quy hoạch để cấp điện chiếu sáng và cấp điện sinh hoạt đến từng công trình và các khu chức năng. Bố trí các tủ phân phối hạ thế ở các vị trí phù hợp, đảm bảo mỹ quan.

- Chiếu sáng công cộng: Hệ thống chiếu sáng được thiết kế theo tiêu chuẩn sử dụng đèn tiết kiệm điện. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Tổng nhu cầu thoát nước thải khoảng 720m³/ngày.đêm. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trong từng công trình sau đó chảy vào hệ thống thoát nước thải bên ngoài nhà và dẫn về trạm xử lý nước thải.

+ Công thoát nước thải sử dụng vật liệu HDPE hoặc Upvc có đường kính D250mm – D400mm. Trên tuyến công thoát nước thải bố trí hệ thống hố ga với khoảng cách phù hợp đảm bảo thuận lợi cho việc thu gom và quản lý vận hành mạng lưới thoát nước thải.

- Vệ sinh môi trường: Chỉ tiêu rác thải 1,3kg/người-nd, tỷ lệ thu gom 100%. Tổ chức thu gom và xử lý rác thải theo đúng quy định.

e) Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống cáp, hộp nối được lắp đặt đồng bộ. Mạng lưới bố trí ngầm dưới vỉa hè các tuyến giao thông.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch chi tiết được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan Ban, Ngành chức năng liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư IMG Huế có trách nhiệm phối hợp Ban, Quản lý Khu vực phát triển đô thị và chính quyền địa phương liên quan tổ chức công bố quy hoạch theo quy định để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2. Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị có trách nhiệm phối hợp các Ban, Ngành, chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý dự án theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện và tham mưu triển khai các thủ tục có liên quan về nghĩa vụ tài chính, việc triển khai thực hiện dự án căn cứ vào quy hoạch điều chỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

4. Mọi sự điều chỉnh, thay đổi về quy hoạch phải báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới An Cựu; Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô Khu đô thị mới An Cựu; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày

01/7/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế (Khu công viên cây xanh và dịch vụ công cộng); Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính; Chủ tịch UBND thành phố Huế; Giám đốc Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IMG Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu VT, QHXT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ